

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày: 07/01/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, TP.HCM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Bà Nguyễn Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương – Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 430/2019/TLST-HS ngày 16/12/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 391/2019/QĐXXST-HS ngày 25/12/2019, đối với bị cáo:

1. Phạm Thị H; sinh năm: 1978; tại: H; hộ khẩu thường trú: a đường b, khu phố c, phường L, quận T, Thành phố H; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Đ; và bà: Lê Thị H; chồng Nguyễn Quốc C; có 02 con (sinh năm 1998, 2008); tiền án: không; tiền sự: không; áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/8/2017. (Có mặt)

2. Võ Thị T; sinh năm: 1989; tại: tỉnh B; hộ khẩu thường trú: ấp N, xã X, huyện X, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Thanh H; và bà: Đoàn Thị H; chồng Nguyễn Hữu H (đã ly hôn); có 02 con (sinh năm 2013, 2019); tiền án: không; tiền sự: không; áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/8/2017. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo H, T: Ông Mai Tiến L, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV A, Đoàn Luật sư tỉnh B. (Có mặt)

- Bị hại: Công ty TNHH A; địa chỉ: số a đường b, khu phố c phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Thị Kim L, chức vụ Trưởng phòng hành chính nhân sự. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Trần H, sinh năm 1980. (Vắng mặt)
2. Anh Hà Văn T, sinh năm 1982. (Vắng mặt)
3. Anh Nguyễn Phạm Quốc K, sinh năm 1998. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị H là tổ trưởng bộ phận Mending (sửa hàng bị lỗi) của Công ty TNHH A và Võ Thị T là nhân viên kho phụ liệu làm chung Công ty A. Khoảng 18 giờ ngày (không nhớ) tháng 10 năm 2016, H nảy sinh ý định lấy trộm quần áo trẻ em tại bộ phận H làm đem về sử dụng nên rủ T lấy trộm cùng thì T đồng ý. H lấy trộm 17 cái áo và 08 cái quần (quần áo loại trẻ em) đã thành phẩm bỏ vào thùng giấy carton kích thước 40x60 cm rồi lấy băng keo dán lại mang xuống kho đưa cho T giữ để mang ra ngoài. Sau khi nhận được thùng quần áo T gửi anh Trần H là tài xế điều khiển xe ô tô biển số 61LD-XXXX chở hàng cho công ty mang ra ngoài. Khi đưa T bỏ lên xe của H mang ra ngoài có con của H đến lấy, anh H không biết là tài sản do T trộm cắp nên đã chở số hàng trên đến ngã tư đường 14 - đường 15 thuộc khu phố 4, phường Linh Trung, quận Thủ Đức. T gọi điện thoại báo cho H biết, H gọi điện thoại cho Nguyễn Phạm Quốc K (là con đẻ) đến ngã tư đường 14 - đường 15 thuộc khu phố 4, phường Linh Trung, quận Thủ Đức nhận thùng quần áo mang về nhà. H giữ 10 cái áo trẻ em và chia cho T 07 cái áo và 08 cái quần, loại trẻ em. Ngày 25/11/2016, H đến gặp Lê Thị Ngọc A là tổ phó bộ phận đóng gói áo thun trẻ em xin 18 cái áo. Chị A mang 18 áo thun trẻ em đưa cho T nhờ đưa cho H thì bị công ty phát hiện đã thu hồi 18 cái áo và cho nghỉ việc đối với H, T và A không đến cơ quan Công an trình báo. Tuy nhiên đến khoảng 14 giờ, ngày 01/12/2016, chị Trần Thị Kim L là Trưởng phòng nhân sự công ty tiến hành kiểm tra hàng thì phát hiện còn mất 17 cái áo và 08 cái quần (trẻ em) nên đến Công an phường Linh Trung, quận Thủ Đức trình báo.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức đã mời Phạm Thị H, Võ Thị T đến làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức, Phạm Thị H và Võ Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi như nêu trên và giao nộp 17 cái áo trẻ em và 08 cái quần trẻ em đã chiếm đoạt nói trên. Ngày 02/8/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Thủ Đức ra Quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối Phạm Thị H và Võ Thị T về tội “Trộm cắp tài sản”.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 557/UBND-TCKH ngày 22/12/2016, của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức kết luận 17 cái áo thun trẻ em có giá 5.383.560 đồng; 08 cái quần thun trẻ em có 2.171.520 đồng. Tổng trị giá tài sản là 7.555.080 đồng. (BL: 13)

Tại bản kết luận định giá tài sản số 7190/KL-HĐĐGTS ngày 21/11/2019

của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự UBND Thành phố Hồ Chí Minh kết luận tổng giá trị giá trị 17 cái áo thun trẻ em và 08 cái quần thun trẻ em tại thời điểm định giá là 2.325.000 đồng, Gồm 17 cái áo thun trẻ em có giá trị tại thời điểm định giá là 1.685.000 đồng và 08 cái quần thun trẻ em có giá trị tại thời điểm định giá là 640.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 17 cái áo và 08 cái quần (loại trẻ em) đã thành phẩm. (BL: 93-94).

Phần dân sự: Đại diện theo ủy quyền của Công ty A là chị Trần Thị Kim Lan không có yêu cầu gì và làm đơn bãi nại cho Phạm Thị H và Võ Thị T. (BL: 16, 99-100).

Đối với Trần H, Nguyễn Phạm Quốc K do không biết số quần, áo trên là tài sản do H và T trộm cắp mà có nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị H, Võ Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

[2] Bản Cáo trạng số 01/CT-VKSTĐ ngày 11/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức truy tố bị cáo Phạm Thị H và Võ Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng khoản 1 của Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, cùng các tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản có giá trị không lớn để xử phạt bị cáo H, T từ 06 tháng đến 09 tháng tù; phần xử lý vật chứng đề nghị trả lại vật chứng cho bị hại.

Luật sư ông Mai Tiến L bào chữa cho bị cáo H, T không tranh luận về tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố đối với hai bị cáo. Đối với hình phạt Viện kiểm sát đề nghị thì Luật sư trình bày: hai bị cáo là người có nhân thân tốt, lai lịch rõ ràng, lần đầu phạm tội, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, giúp cho cơ quan điều tra nhanh chóng điều tra vụ án, tài sản chiếm đoạt đã trả lại đầy đủ, bị hại đã bãi nại cho các bị cáo và không yêu cầu gì; các bị cáo phạm tội mang tính cơ hội, mục đích chỉ là cho con cháu mặc, không nhằm mục đích mua bán, thương mại; các bị cáo thuộc gia đình có công với cách mạng; từ khi vụ án xảy ra đến nay các bị cáo rất khó khăn, mất việc làm, đã trả giá rất đắt. Vì vậy, việc tiếp tục xử các bị cáo án tù là không cần thiết và quá nặng, đặc biệt là bị cáo T có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, nên đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo H, T không tranh luận, bào chữa. Các bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Thị H, Võ Thị T phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người đại diện của bị hại, người làm chứng, vật chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, có căn cứ xác định các bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Công ty TNHH A. Tài sản chiếm đoạt là 17 cái áo thun trẻ em, 08 cái quần thun trẻ em có tổng trị giá tài sản là 2.325.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo Phạm Thị H, Võ Thị T đã phạm “Tội trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định, tương tự tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự, do hình phạt của “Tội trộm cắp tài sản” tại Điều 173 Bộ luật Hình sự hiện hành (Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhẹ hơn của Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 nên áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự để xét xử đối với bị cáo.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội thể hiện bị cáo rất liều lĩnh và xem thường pháp luật. Các bị cáo phạm tội có đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, trong đó, bị cáo H là người trực tiếp lấy tài sản, bị cáo T là người gợi ý nhờ bị cáo H lấy tài sản và nhờ tài xế đưa tài sản ra ngoài. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của từng bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

[3] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi, phạm tội gây thiệt hại không lớn, bị hại đã có đơn xin xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, hai bị cáo thuộc gia đình có công với Cách mạng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhân thân của bị cáo tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu. Chiếu theo chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật, cho các bị cáo

được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và nêu gương phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Vật chứng là 17 cái áo và 08 cái quần (loại trẻ em) đã thành phẩm là tài sản của bị hại, cần trả lại cho bị hại Công ty TNHH A.

Công ty TNHH A đã bãi nại cho các bị cáo và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị H, Võ Thị T phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt:

1. Bị cáo Phạm Thị H 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án.

2. Bị cáo Võ Thị T 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án.

- Giao bị cáo Phạm Thị H cho Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố H; bị cáo Võ Thị T cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

Trả cho Công ty TNHH A: 17 cái áo và 08 cái quần (loại trẻ em) đã thành phẩm. (Phiếu nhập kho số 044b ngày 16/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức)

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, mỗi bị cáo chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, có quyền kháng cáo bản án. Riêng bị hại vắng mặt, thời gian kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- Bị cáo, Bị hại;
- VKSND, CA, Chi cục THA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Q.TĐ;
- PC27;
- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Lưu HS.

Tôn Trung Tuấn